

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/02/2025

"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Quang Năng

- **Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Tất Thế

Ông Nguyễn Thái Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 165/2024/ TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1992; Nơi thường trú: **thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**; Nơi ở hiện tại: **thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh **Võ Sáng S**, sinh năm 1989; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: **thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**. Hiện anh **S** đang lao động tại Hàn Quốc; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị **Nguyễn Thị H** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Võ Sáng S** kết hôn ngày 26/12/2015, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**. Sau khi kết hôn, cuộc sống gia đình anh chị hạnh phúc được một thời gian nhưng sau đó thì phát sinh một số mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và không hòa hợp trong cuộc sống gia đình, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Anh chị đã cố gắng sống

chung vì con cái và gia đình hai bên. Tuy nhiên đến gần cuối năm 2017, anh S đi lao động tại Hàn Quốc. Việc xa cách về mặt khoảng cách địa lý cùng với sự bất đồng quan điểm sống, vợ chồng rất ít liên lạc với nhau, nhưng vẫn luôn trong tình trạng cãi vã mỗi khi liên lạc. Cho đến hiện tại nhận thấy giữa vợ chồng đã không còn tình cảm và cũng đã xảy ra quá nhiều mâu thuẫn mà không thể có sự hòa hợp. Vì vậy, chị làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Sáng S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Võ Thi Linh N, sinh ngày 22/4/2016. Sau khi ly hôn, chị mong muốn được là người trực tiếp nuôi cháu Võ Thi Linh N. Tuy nhiên, cháu hiện nay đã trên 7 tuổi, chị tôn trọng nguyện vọng của cháu muốn ở với ai thì để cho cháu tự quyết định. Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành thụ lý giải quyết vụ án mà không thực hiện thủ tục hòa giải tiền tố tụng cũng như hòa giải trong quá trình giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Võ Sáng S tại Hàn Quốc mà chỉ biết anh thường gọi điện về cho mẹ đẻ anh là bà Võ Thị T ở thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Chị đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh S qua mẹ anh.

Bị đơn anh Võ Sáng S hiện đang làm việc tại Hàn Quốc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại mẹ đẻ anh là bà Võ Thị T ở thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, bà T cho biết anh Võ Sáng S là con trai bà, anh S đi lao động tại nước Hàn Quốc từ năm 2017 đến nay chưa về nước lần nào, vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không ai biết địa chỉ cụ thể của anh S nên không cung cấp được cho Tòa án. Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H năm 2015, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà bà và sinh được con là Võ Thi Linh N, sau khi anh S đi lao động tại Hàn Quốc, mẹ con chị H về nhà ngoại sống. Việc vợ chồng làm thủ tục ly hôn, anh S nói với bà đây là việc riêng của vợ chồng, vợ chồng tự giải quyết, anh S không có ý kiến hay gửi văn bản gì về. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho anh S.

Cháu Võ Thi Linh N, sinh ngày 22/4/2016 có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị [Nguyễn Thị H](#) ly hôn với anh [Võ Sáng S](#).

- Về con chung: Giao con chung là [Võ Thị Linh N](#), sinh ngày 22/4/2016 cho chị [Nguyễn Thị H](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh [Võ Sáng S](#) có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét;

- Về án phí: Chị [Nguyễn Thị H](#) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị [Nguyễn Thị H](#) (trú tại: [Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)) khởi kiện xin ly hôn anh [Võ Sáng S](#) (Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: [Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)), anh [S](#) đang sống và làm việc tại nước Hàn Quốc. Theo công văn số 1088/QLXNC- Đ1 ngày 25/10/2024 của [Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H](#) thì anh [Võ Sáng S](#) đã xuất cảnh ngày 12/9/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh [Võ Sáng S](#) hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân anh [Võ Sáng S](#). Đồng thời, tiến hành xác minh địa chỉ cụ thể và lấy ý kiến của anh [Võ Sáng S](#) đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị [Nguyễn Thị H](#) nhưng anh [S](#) không có ý kiến hay bất kỳ văn bản tài liệu nào gửi về Tòa án tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án yêu cầu thân nhân của anh [S](#) cung cấp địa chỉ, tin tức để Tòa án giải quyết vụ án nhưng gia đình không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh [S](#). Tòa án đã thông báo về việc giải quyết vụ án cho anh [S](#) trên kênh đối ngoại VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong ba ngày liên tiếp từ ngày 19, 20, 21/12/2024 nhưng không có hồi âm của bị đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã mở phiên tòa án định thời gian xét xử lần 1 vào ngày 05/02/2025, lần 2 vào ngày 20/02/2025 tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng anh [S](#) vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi Tòa án. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Chị [Nguyễn Thị H](#) vì lý do ở xa và bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh [S](#), chị [H](#) theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Võ Sáng S](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị [H](#) và anh [S](#) là hợp pháp. Theo chị [H](#) trình bày từ năm 2017 anh [S](#) xuất khẩu lao động làm việc tại nước Hàn Quốc đến nay chưa về nước lần nào. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị [H](#) yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh [S](#). Quá trình giải quyết vụ án, anh [Võ Sáng S](#) đã được gia đình thông báo về việc chị [Nguyễn Thị H](#) có đơn xin ly hôn, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt văn bản cho anh nhưng anh không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, điều đó chứng tỏ anh [S](#) có ý thức bỏ mặc hôn nhân. Hai vợ chồng không liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau, tình cảm không còn, hiện mỗi người sống một nơi không có khả năng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị [H](#) và anh [S](#) không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị [Nguyễn Thị H](#).

[3] Về con chung: Chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Võ Sáng S](#) có 01 con chung là [Võ Thị Linh N](#), sinh ngày 22/4/2016. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh [S](#) đi làm việc tại nước ngoài, chị [H](#) là người nuôi con, hiện nay con do chị [H](#) chăm sóc. Nay ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc con chung, cháu [Võ Thị Linh N](#) trình bày sau khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần giao con chung [Võ Thị Linh N](#), sinh ngày 22/4/2016 cho chị [Nguyễn Thị H](#) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị [Nguyễn Thị H](#) không yêu cầu, miễn xét. Anh [Võ Sáng S](#) có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị [Nguyễn Thị H](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Võ Sáng S.

2. Về con chung: Giao con chung là Võ Thị Linh N, sinh ngày 22/4/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Võ Sáng S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000066 ngày 04/10/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã T,
huyện C, Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Năng

